TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2024/QĐST-HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 14 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 647/2024/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà **Trương Thị Minh P**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số X, đường N, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người yêu cầu:* Ông **Nguyễn Huy A**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số X, đường N, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, cả hai đã tự sống ly thân nhau. Nay bà P và ông A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của bà P và ông A. Xét thấy, yêu cầu của bà Trương Thị Minh Phương và ông Nguyễn Huy Ân là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A.

[2] Về con chung: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 30/4/2014 và Nguyễn Huy B, sinh ngày 03/10/2016. Khi ly hôn bà P và ông A thống nhất thỏa thuận giao con chung 02 con chung là Nguyễn Minh T và Nguyễn Huy B cho bà P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Về việc cấp dưỡng nuôi con bà P, ông A thống nhất để hai bên tự thoả thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà P và ông A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của bà P và ông A.

[3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A thống nhất để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A cùng xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị Minh Phương và ông Nguyễn Huy A thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 30/4/2014 và Nguyễn Huy B, sinh ngày 03/10/2016 cho bà P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà P và ông A thống nhất để hai bên tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A thống nhất để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A cùng xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị Minh P và ông Nguyễn Huy A thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ bà P và ông A đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001179 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà P và ông A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tư nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc